



www.FencingTime.com

女子サーブル Competitor List

Tournament: 2023 牧杯ジュニアフェンシング選手権大会
Date: 2023年9月23日 - 9:30

JRWS

#	Name	Clubs	Country	Rank	Birthdate
1	イサシャ ユンス (WS)	星槎国際高校川口		27	
2	ミカ エプスタイン (WS)	SEISA			
3	安原 愛菜 (WS)	沼田女子高校			
4	伊藤 花乃 (WS)	早稲田大学		8	
5	井下 玲菜 (WS)	専修大学			
6	一瀬 咲季 (WS)	諫早商業高校			
7	奥村 春香 (WS)	大垣南高校		7	
8	横田 彩未 (WS)	法政大学		11	
9	岡田 彩良 (WS)	加藤学園暁秀高校		15	
10	沖 志隠 (WS)	大垣南高校			
11	荻野 千里 (WS)	星陵高校			
12	海野 琉羽 (WS)	津東高校			
13	関谷 白萌 (WS)	沼津西高校		23	
14	亀川 満里菜 (WS)	専修大学			
15	吉岡 美海 (WS)	新田高校		16	
16	宮崎 璃子 (WS)	はしまモアFC			
17	宮重 明日海 (WS)	福山誠之館高校			
18	宮田 美生 (WS)	沼田女子高校			
19	金高 生幸 (WS)	愛知工業大学名電高校		2	
20	駒路 ひかる (WS)	法政大学		14	
21	原田 乃瑛 (WS)	日本体育大学			
22	原澤 悠里 (WS)	沼田女子高校			
23	古川 妃代 (WS)	諫早商業高校			
24	五味 恋菜 (WS)	上伊那農業高校			
25	後藤 千里 (WS)	高松北高校		5	
26	後藤 碧衣 (WS)	大分豊府高校		21	
27	江上 はな (WS)	SEISA			
28	高橋 亜由美 (WS)	関西学院大学			
29	笹川 莉花 (WS)	SEISA		24	
30	三宅 そな (WS)	はしまモアFC		30	
31	三谷 日向子 (WS)	日本大学			
32	三木 優穂 (WS)	津東高校			
33	山本 麻衣 (WS)	安来高校			
34	山崎 妃奈乃 (WS)	早稲田大学		1	
35	市岡 愛梨 (WS)	関西学院大学			
36	寺平 琴望 (WS)	諫早商業高校			
37	周藤 美月 (WS)	新田高校		3	
38	勝又 康心 (WS)	沼津東高校			
39	松原 知夏 (WS)	柳井学園高校			
40	松本 枝子 (WS)	津東高校			
41	松本 栖羽 (WS)	NAGOYA FENCING CLUB		12	
42	松葉 悠華 (WS)	海星高校			
43	植村 紀香 (WS)	日本体育大学		18	
44	織田 優波 (WS)	新田高校		22	
45	数井 詩 (WS)	同志社大学			
46	西山 晴葵 (WS)	宮崎シニアFC			
47	石川 素愛 (WS)	三島高校			
48	石津 真帆 (WS)	三島高校		9	
49	相田 友紀 (WS)	日本体育大学			
50	大井 歌乃 (WS)	立命館大学		20	
51	大岡 詩苑 (WS)	新田高校			
52	大島 愛実 (WS)	日本大学		4	
53	大島 有紗 (WS)	海星中学校			
54	谷口 真麻 (WS)	立命館大学		10	
55	池田 知優 (WS)	東京女子体育大学			
56	中井 智愛 (WS)	津東高校			
57	田代 結都 (WS)	東京女子体育大学		28	
58	土子 ひなた (WS)	津東高校			
59	東 果鈴 (WS)	鹿児島南高校			
60	馬場 結菜 (WS)	鹿児島南高校			
61	八惣 柚香 (WS)	朝日大学		17	
62	板橋 香菜子 (WS)	SEISA		13	
63	肥川 寿々 (WS)	新田高校			
64	福島 楓 (WS)	同志社女子中学校			
65	平林 七奈子 (WS)	東京女子体育大学		6	
66	木村 聡花 (WS)	大分豊府中学校			
67	野元 麻央 (WS)	JOCエリートアカデミー			
68	林 七星 (WS)	立命館高校			
69	鈴木 愛華 (WS)	柳井学園高校			

#	Name	Clubs	Country	Rank	Birthdate
70	廣瀬 唯 (WS)	大垣南高校			
71	寛 葵衣 (WS)	大垣南高校			
72	高橋 ひなた (WS)	愛知工業大学名電高校		19	
73	高嶋 悠衣 (WS)	加藤学園高校			



www.FencingTime.com

女子サーブル

Seeding for Round #1 - Pool

JRWS

Tournament: 2023 牧杯ジュニアフェンシング選手権大会
 Date: 2023年9月23日 - 9:30
 FIE Document: FE_FIE_0001.2

Seed	Name	Club	Country	Rank	Notes
1	山崎 妃奈乃 (WS)	早稲田大学		1	
2	金高 生幸 (WS)	愛知工業大学名電高校		2	
3	周藤 美月 (WS)	新田高校		3	
4	大島 愛実 (WS)	日本大学		4	
5	後藤 千里 (WS)	高松北高校		5	
6	平林 七奈子 (WS)	東京女子体育大学		6	
7	奥村 春香 (WS)	大垣南高校		7	
8	伊藤 花乃 (WS)	早稲田大学		8	
9	石津 真帆 (WS)	三島高校		9	
10	谷口 真麻 (WS)	立命館大学		10	
11	横田 彩未 (WS)	法政大学		11	
12	松本 栖羽 (WS)	NAGOYA FENCING CLUB		12	
13	板橋 香菜子 (WS)	SEISA		13	
14	駒路 ひかる (WS)	法政大学		14	
15	岡田 彩良 (WS)	加藤学園暁秀高校		15	
16	吉岡 美海 (WS)	新田高校		16	
17	八惣 柚香 (WS)	朝日大学		17	
18	植村 紀香 (WS)	日本体育大学		18	
19	高橋 ひなた (WS)	愛知工業大学名電高校		19	
20	大井 歌乃 (WS)	立命館大学		20	
21	後藤 碧衣 (WS)	大分豊府高校		21	
22	織田 優波 (WS)	新田高校		22	
23	関谷 百萌 (WS)	沼津西高校		23	
24	笹川 莉花 (WS)	SEISA		24	
25	イサヤ ユンス (WS)	星槎国際高校川口		27	
26	田代 結都 (WS)	東京女子体育大学		28	
27	三宅 そな (WS)	はしまアFC		30	
28	原澤 悠里 (WS)	沼田女子高校			
29	寺平 琴望 (WS)	諫早商業高校			
30	林 七星 (WS)	立命館高校			
31	宮田 美生 (WS)	沼田女子高校			
32	原田 乃瑛 (WS)	日本体育大学			
33	木村 聡花 (WS)	大分豊府中学校			
34	荻野 千里 (WS)	星陵高校			
35	西山 晴葵 (WS)	宮崎ジュニアFC			
36	松原 知夏 (WS)	柳井学園高校			
37	五味 恋菜 (WS)	上伊那農業高校			
38	山本 麻衣 (WS)	安来高校			
39	三木 優穂 (WS)	津東高校			
40	江上 はな (WS)	SEISA			
41	松本 枝子 (WS)	津東高校			
42	高橋 亜由美 (WS)	関西学院大学			
43	一瀬 咲季 (WS)	諫早商業高校			
44	福島 楓 (WS)	同志社女子中学校			
45	市岡 愛梨 (WS)	関西学院大学			
46	数井 詩 (WS)	同志社大学			
47	井下 玲菜 (WS)	専修大学			
48	ミカ エプスタイン (WS)	SEISA			
49	高嶋 悠衣 (WS)	加藤学園高校			
50	宮重 明日海 (WS)	福山誠之館高校			
51	宮崎 璃子 (WS)	はしまアFC			
52	馬場 結菜 (WS)	鹿児島南高校			
53	亀川 満里菜 (WS)	専修大学			
54	三谷 日向子 (WS)	日本大学			
55	石川 素愛 (WS)	三島高校			
56	大島 有紗 (WS)	海星中学校			
57	東 果鈴 (WS)	鹿児島南高校			
58	土子 ひなた (WS)	津東高校			
59	肥川 寿々 (WS)	新田高校			
60	勝又 康心 (WS)	沼津東高校			
61	池田 知優 (WS)	東京女子体育大学			
62	寛 葵衣 (WS)	大垣南高校			
63	海野 琉羽 (WS)	津東高校			
64	大岡 詩苑 (WS)	新田高校			
65	相田 友紀 (WS)	日本体育大学			
66	廣瀬 唯 (WS)	大垣南高校			
67	野元 麻央 (WS)	JOCエリートアカデミー			
68	中井 智愛 (WS)	津東高校			

Seed	Name	Club	Country	Rank	Notes
69	鈴木 愛華 (WS)	柳井学園高校			
70	沖 志隠 (WS)	大垣南高校			
71	安原 愛菜 (WS)	沼田女子高校			
72	古川 妃代 (WS)	諫早商業高校			
73	松葉 悠華 (WS)	海星高校			



女子サーブル

Round #1 Pool Results

JRWS

Tournament: 2023 牧杯ジュニアフェンシング選手権大会
 Date: 2023年9月23日 - 9:30
 FIE Document: FE_FIE_0007

1	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	7	V	V/M	TS	TR	Ind
野元 麻央 (WS)	JOCエリートアカデミー	1		D2	D4	V5	D1	D2	V5	2	0.33	19	23	-4
市岡 愛梨 (WS)	関西学院大学	2	V5		D4	D2	D3	D0	V5	2	0.33	19	24	-5
関谷 百萌 (WS)	沼津西高校	3	V5	V5		V5	D3	D4	V5	4	0.67	27	20	7
廣瀬 唯 (WS)	大垣南高校	4	D2	V5	D0		D3	D0	V5	2	0.33	15	24	-9
織田 優波 (WS)	新田高校	5	V5	V5	V5	V5		V5	V5	6	1.00	30	14	16
山崎 妃奈乃 (WS)	早稲田大学	6	V5	V5	V5	V5	D4		V5	5	0.83	29	13	16
福島 楓 (WS)	同志社女子中学校	7	D1	D2	D2	D2	D0	D2		0	0.00	9	30	-21

2	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	7	V	V/M	TS	TR	Ind
数井 詩 (WS)	同志社大学	1		V5	V5	V5	D2	V5	D1	4	0.67	23	21	2
相田 友紀 (WS)	日本体育大学	2	D2		D2	D4	V5	V5	D0	2	0.33	18	23	-5
一瀬 咲季 (WS)	諫早商業高校	3	D4	V5		D4	D1	V5	V5	3	0.50	24	22	2
後藤 碧衣 (WS)	大分豊府高校	4	D4	V5	V5		V5	V5	D0	4	0.67	24	24	0
笹川 莉花 (WS)	SEISA	5	V5	D2	V5	D3		V5	D3	3	0.50	23	18	5
中井 智愛 (WS)	津東高校	6	D1	D1	D2	D3	D0		D0	0	0.00	7	30	-23
金高 生幸 (WS)	愛知工業大学名電高校	7	V5	V5	D3	V5	V5	V5		5	0.83	28	9	19

3	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	7	V	V/M	TS	TR	Ind
海野 琉羽 (WS)	津東高校	1		D0	D0	D2	D0	D1	D0	0	0.00	3	30	-27
大井 歌乃 (WS)	立命館大学	2	V5		V5	D3	D3	D3	V5	3	0.50	24	20	4
鈴木 愛華 (WS)	柳井学園高校	3	V5	D2		D1	D2	D3	D0	1	0.17	13	25	-12
井下 玲菜 (WS)	専修大学	4	V5	V5	V5		D3	D2	D2	3	0.50	22	21	1
周藤 美月 (WS)	新田高校	5	V5	V5	V5	V5		D4	V5	5	0.83	29	16	13
イサシャ ユンス (WS)	星槎国際高校川口	6	V5	V5	V5	V5	V5		V5	6	1.00	30	16	14
高橋 亜由美 (WS)	関西学院大学	7	V5	D3	V5	V5	D3	D3		3	0.50	24	17	7

4	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	7	V	V/M	TS	TR	Ind
高橋 ひなた (WS)	愛知工業大学名電高校	1		V5	V5	V5	V5	D4	V5	5	0.83	29	13	16
沖 志隠 (WS)	大垣南高校	2	D0		V5	D1	V5	D2	D2	2	0.33	15	23	-8
松本 枝子 (WS)	津東高校	3	D2	D1		D2	D2	D0	V5	1	0.17	12	29	-17
ミカエプスタイン (WS)	SEISA	4	D2	V5	V5		D2	D1	V5	3	0.50	20	19	1
田代 結都 (WS)	東京女子体育大学	5	D1	D2	V5	V5		D0	D2	2	0.33	15	24	-9
大島 愛実 (WS)	日本大学	6	V5	V5	V5	V5	V5		V5	6	1.00	30	8	22
松葉 悠華 (WS)	海星高校	7	D3	V5	D4	D1	V5	D1		2	0.33	19	24	-5

5	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	7	V	V/M	TS	TR	Ind
三宅 そな (WS)	はしまアFC	1		V5	V5	V5	V5	D2	V5	5	0.83	27	15	12
植村 紀香 (WS)	日本体育大学	2	D2		V5	V5	V5	D3	V5	4	0.67	25	18	7
高嶋 悠衣 (WS)	加藤学園高校	3	D1	D3		D1	V5	V5	D4	2	0.33	19	26	-7
江上 はな (WS)	SEISA	4	D3	D2	V5		V5	D3	D2	2	0.33	20	23	-3
池田 知優 (WS)	東京女子体育大学	5	D3	D1	D3	D2		V5	V5	2	0.33	19	22	-3
後藤 千里 (WS)	高松北高校	6	V5	V5	D3	V5	D2		V5	4	0.67	25	19	6
寺平 琴望 (WS)	諫早商業高校	7	D1	D2	V5	V5	D0	D1		2	0.33	14	26	-12

6	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	7	V	V/M	TS	TR	Ind
原澤 悠里 (WS)	沼田女子高校	1		D1	V5	D4	D4	D0	D0	1	0.17	14	27	-13
平林 七奈子 (WS)	東京女子体育大学	2	V5		V5	V5	V5	V5	D4	5	0.83	29	10	19
宮重 明日海 (WS)	福山誠之館高校	3	D2	D0		D0	D1	D0	D0	0	0.00	3	30	-27
三木 優穂 (WS)	津東高校	4	V5	D1	V5		D3	D0	D0	2	0.33	14	24	-10
笥 葵衣 (WS)	大垣南高校	5	V5	D0	V5	V5		D0	D0	3	0.50	15	23	-8
八惣 柚香 (WS)	朝日大学	6	V5	D3	V5	V5	V5		D3	4	0.67	26	10	16
大岡 詩苑 (WS)	新田高校	7	V5	V5	V5	V5	V5	V5		6	1.00	30	7	23

7	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	7	V	V/M	TS	TR	Ind
山本 麻衣 (WS)	安来高校	1		D2	D2	V5	D3	D1	D2	1	0.17	15	28	-13
奥村 春香 (WS)	大垣南高校	2	V5		V5	V5	V5	V5	V5	6	1.00	30	10	20
勝又 康心 (WS)	沼津東高校	3	V5	D0		V5	V5	V5	D1	4	0.67	21	20	1
宮崎 璃子 (WS)	はしまモアFC	4	D3	D3	D1		D1	D0	V5	1	0.17	13	28	-15
吉岡 美海 (WS)	新田高校	5	V5	D3	D4	V5		V5	D3	3	0.50	25	20	5
古川 妃代 (WS)	諫早商業高校	6	V5	D0	D3	V5	D1		D2	2	0.33	16	21	-5
安原 愛菜 (WS)	沼田女子高校	7	V5	D2	V5	D3	V5	V5		4	0.67	25	18	7

8	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind	
林 七星 (WS)	立命館高校	1		D0	D3	V5	D0	V5		2	0.40	13	21	-8
伊藤 花乃 (WS)	早稲田大学	2	V5		V5	V5	V5	V5		5	1.00	25	9	16
五味 恋菜 (WS)	上伊那農業高校	3	V5	D3		V5	V5	V5		4	0.80	23	17	6
肥川 寿々 (WS)	新田高校	4	D4	D0	D2		D3	V5		1	0.20	14	23	-9
岡田 彩良 (WS)	加藤学園暁秀高校	5	V5	D3	D4	V5		V5		3	0.60	22	14	8
馬場 結菜 (WS)	鹿児島南高校	6	D2	D3	D3	D3	D1			0	0.00	12	25	-13

9	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind	
土子 ひなた (WS)	津東高校	1		D3	V5	D1	D4	D4		1	0.20	17	21	-4
駒路 ひかる (WS)	法政大学	2	V5		V5	V5	V5	V5		5	1.00	25	8	17
松原 知夏 (WS)	柳井学園高校	3	D1	D3		D1	V5	D3		1	0.20	13	24	-11
石津 真帆 (WS)	三島高校	4	V5	D2	V5		V5	V5		4	0.80	22	9	13
亀川 満里菜 (WS)	専修大学	5	V5	D0	D4	D2		V5		2	0.40	16	19	-3
宮田 美生 (WS)	沼田女子高校	6	V5	D0	V5	D0	D0			2	0.40	10	22	-12

10	Referee(s):
-----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind	
原田 乃瑛 (WS)	日本体育大学	1		D0	V5	V5	D4	V5		3	0.60	19	18	1
板橋 香菜子 (WS)	SEISA	2	V5		V5	V5	V5	D4		4	0.80	24	7	17
西山 晴葵 (WS)	宮崎ジュニアFC	3	D2	D0		V5	V5	D3		2	0.40	15	23	-8
東 果鈴 (WS)	鹿児島南高校	4	D3	D0	D4		D2	D2		0	0.00	11	25	-14
三谷 日向子 (WS)	日本大学	5	V5	D2	D4	V5		V5		3	0.60	21	19	2
谷口 真麻 (WS)	立命館大学	6	D3	V5	V5	V5	D3			3	0.60	21	19	2

11		Referee(s):
----	--	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind
松本 栖羽 (WS)	NAGOYA FENCING CLUB	1		V5	V5	V5	D2	V5	4	0.80	22	8	14
大島 有紗 (WS)	海星中学校	2	D0		D1	D4	D1	D2	0	0.00	8	25	-17
木村 聡花 (WS)	大分豊府中学校	3	D2	V5		V5	D2	V5	3	0.60	19	14	5
石川 素愛 (WS)	三島高校	4	D0	V5	D1		D2	D2	1	0.20	10	24	-14
横田 彩未 (WS)	法政大学	5	V5	V5	V5	V5		V5	5	1.00	25	7	18
荻野 千里 (WS)	星陵高校	6	D1	V5	D2	V5	D0		2	0.40	13	19	-6



www.FencingTime.com

女子サーブル

Seeding for Round #2 - DE

Tournament: 2023 牧杯ジュニアフェンシング選手権大会

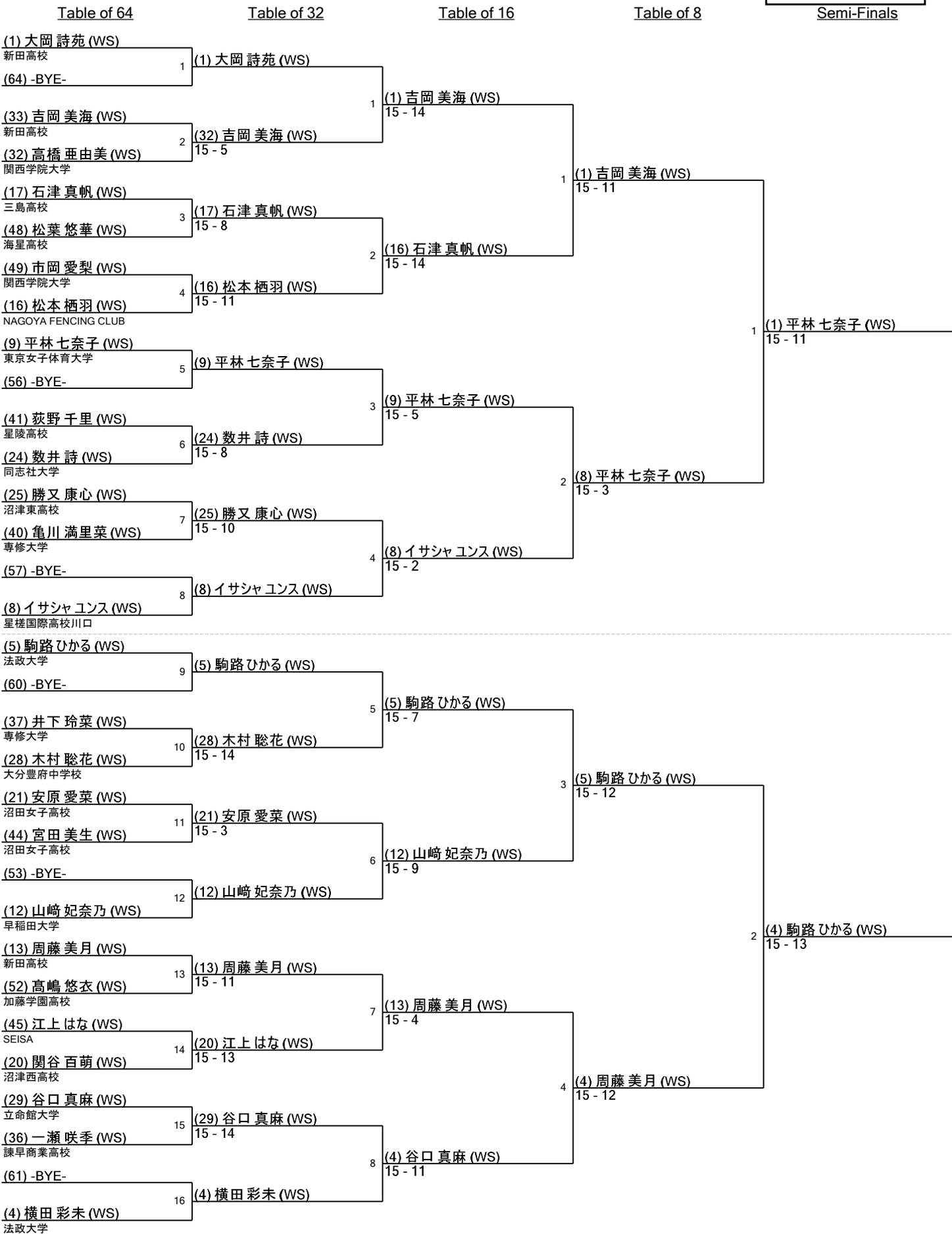
Date: 2023年9月23日 - 9:30

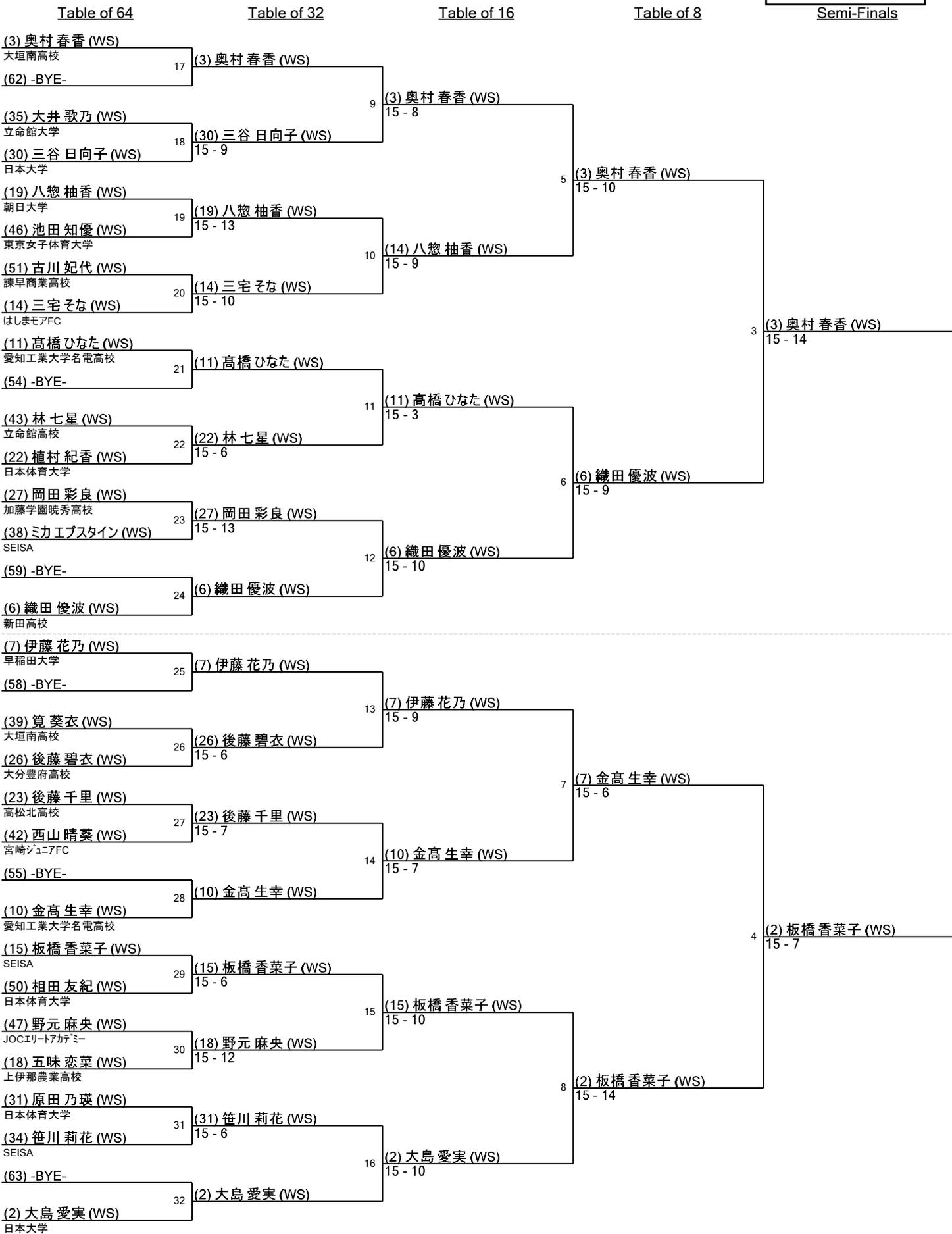
FIE Document: FE_FIE_0008



Seed	Name	Club	Country	V	V/M	TS	TR	Ind	Notes
1	大岡 詩苑 (WS)	新田高校		6	1.00	30	7	+23	Advanced
2	大島 愛実 (WS)	日本大学		6	1.00	30	8	+22	Advanced
3	奥村 春香 (WS)	大垣南高校		6	1.00	30	10	+20	Advanced
4	横田 彩未 (WS)	法政大学		5	1.00	25	7	+18	Advanced
5	駒路 ひかる (WS)	法政大学		5	1.00	25	8	+17	Advanced
6	織田 優波 (WS)	新田高校		6	1.00	30	14	+16	Advanced
7	伊藤 花乃 (WS)	早稲田大学		5	1.00	25	9	+16	Advanced
8	イサシャ ユンス (WS)	星槎国際高校川口		6	1.00	30	16	+14	Advanced
9	平林 七奈子 (WS)	東京女子体育大学		5	0.83	29	10	+19	Advanced
10	金高 生幸 (WS)	愛知工業大学名電高校		5	0.83	28	9	+19	Advanced
11T	高橋 ひなた (WS)	愛知工業大学名電高校		5	0.83	29	13	+16	Advanced
11T	山崎 妃奈乃 (WS)	早稲田大学		5	0.83	29	13	+16	Advanced
13	周藤 美月 (WS)	新田高校		5	0.83	29	16	+13	Advanced
14	三宅 そな (WS)	はしまアFC		5	0.83	27	15	+12	Advanced
15	板橋 香菜子 (WS)	SEISA		4	0.80	24	7	+17	Advanced
16	松本 栖羽 (WS)	NAGOYA FENCING CLUB		4	0.80	22	8	+14	Advanced
17	石津 真帆 (WS)	三島高校		4	0.80	22	9	+13	Advanced
18	五味 恋菜 (WS)	上伊那農業高校		4	0.80	23	17	+6	Advanced
19	八惣 柚香 (WS)	朝日大学		4	0.67	26	10	+16	Advanced
20	関谷 百萌 (WS)	沼津西高校		4	0.67	27	20	+7	Advanced
21T	植村 紀香 (WS)	日本体育大学		4	0.67	25	18	+7	Advanced
21T	安原 愛菜 (WS)	沼田女子高校		4	0.67	25	18	+7	Advanced
23	後藤 千里 (WS)	高松北高校		4	0.67	25	19	+6	Advanced
24	数井 詩 (WS)	同志社大学		4	0.67	23	21	+2	Advanced
25	勝又 康心 (WS)	沼津東高校		4	0.67	21	20	+1	Advanced
26	後藤 碧衣 (WS)	大分豊府高校		4	0.67	24	24	0	Advanced
27	岡田 彩良 (WS)	加藤学園暁秀高校		3	0.60	22	14	+8	Advanced
28	木村 聡花 (WS)	大分豊府中学校		3	0.60	19	14	+5	Advanced
29T	谷口 真麻 (WS)	立命館大学		3	0.60	21	19	+2	Advanced
29T	三谷 日向子 (WS)	日本大学		3	0.60	21	19	+2	Advanced
31	原田 乃瑛 (WS)	日本体育大学		3	0.60	19	18	+1	Advanced
32	高橋 亜由美 (WS)	関西学院大学		3	0.50	24	17	+7	Advanced
33	吉岡 美海 (WS)	新田高校		3	0.50	25	20	+5	Advanced
34	笹川 莉花 (WS)	SEISA		3	0.50	23	18	+5	Advanced
35	大井 歌乃 (WS)	立命館大学		3	0.50	24	20	+4	Advanced
36	一瀬 咲季 (WS)	諫早商業高校		3	0.50	24	22	+2	Advanced
37	井下 玲菜 (WS)	専修大学		3	0.50	22	21	+1	Advanced
38	ミカエプスタイン (WS)	SEISA		3	0.50	20	19	+1	Advanced
39	寛 葵衣 (WS)	大垣南高校		3	0.50	15	23	-8	Advanced
40	亀川 満里菜 (WS)	専修大学		2	0.40	16	19	-3	Advanced
41	荻野 千里 (WS)	星陵高校		2	0.40	13	19	-6	Advanced
42	西山 晴葵 (WS)	宮崎シニアFC		2	0.40	15	23	-8	Advanced
43	林 七星 (WS)	立命館高校		2	0.40	13	21	-8	Advanced
44	宮田 美生 (WS)	沼田女子高校		2	0.40	10	22	-12	Advanced
45	江上 はな (WS)	SEISA		2	0.33	20	23	-3	Advanced
46	池田 知優 (WS)	東京女子体育大学		2	0.33	19	22	-3	Advanced
47	野元 麻央 (WS)	JOCエリートアカデミー		2	0.33	19	23	-4	Advanced
48T	市岡 愛梨 (WS)	関西学院大学		2	0.33	19	24	-5	Advanced
48T	松葉 悠華 (WS)	海星高校		2	0.33	19	24	-5	Advanced
50	相田 友紀 (WS)	日本体育大学		2	0.33	18	23	-5	Advanced
51	古川 妃代 (WS)	諫早商業高校		2	0.33	16	21	-5	Advanced
52	高嶋 悠衣 (WS)	加藤学園高校		2	0.33	19	26	-7	Advanced
53	沖 志隠 (WS)	大垣南高校		2	0.33	15	23	-8	Eliminated
54T	廣瀬 唯 (WS)	大垣南高校		2	0.33	15	24	-9	Eliminated
54T	田代 結都 (WS)	東京女子体育大学		2	0.33	15	24	-9	Eliminated
56	三木 優穂 (WS)	津東高校		2	0.33	14	24	-10	Eliminated
57	寺平 琴望 (WS)	諫早商業高校		2	0.33	14	26	-12	Eliminated
58	土子 ひなた (WS)	津東高校		1	0.20	17	21	-4	Eliminated
59	肥川 寿々 (WS)	新田高校		1	0.20	14	23	-9	Eliminated
60	松原 知夏 (WS)	柳井学園高校		1	0.20	13	24	-11	Eliminated
61	石川 素愛 (WS)	三島高校		1	0.20	10	24	-14	Eliminated
62	鈴木 愛華 (WS)	柳井学園高校		1	0.17	13	25	-12	Eliminated
63	山本 麻衣 (WS)	安来高校		1	0.17	15	28	-13	Eliminated
64	原澤 悠里 (WS)	沼田女子高校		1	0.17	14	27	-13	Eliminated
65	宮崎 璃子 (WS)	はしまアFC		1	0.17	13	28	-15	Eliminated
66	松本 枝子 (WS)	津東高校		1	0.17	12	29	-17	Eliminated
67	馬場 結菜 (WS)	鹿児島南高校		0	0.00	12	25	-13	Eliminated
68	東 果鈴 (WS)	鹿児島南高校		0	0.00	11	25	-14	Eliminated

Seed	Name	Club	Country	V	V/M	TS	TR	Ind	Notes
69	大島 有紗 (WS)	海星中学校		0	0.00	8	25	-17	Eliminated
70	福島 楓 (WS)	同志社女子中学校		0	0.00	9	30	-21	Eliminated
71	中井 智愛 (WS)	津東高校		0	0.00	7	30	-23	Eliminated
72T	海野 琉羽 (WS)	津東高校		0	0.00	3	30	-27	Eliminated
72T	宮重 明日海 (WS)	福山誠之館高校		0	0.00	3	30	-27	Eliminated









www.FencingTime.com

女子サーブル Final Ranking

JRWS

Tournament: 2023 牧杯ジュニアフェンシング選手権大会
Date: 2023年9月23日 - 9:30
FIE Document: FE_FIE_0012

Place	Name	Clubs	Country	Birthdate
1	板橋 香菜子 (WS)	SEISA		
2	平林 七奈子 (WS)	東京女子体育大学		
3T	駒路 ひかる (WS)	法政大学		
3T	奥村 春香 (WS)	大垣南高校		
5	織田 優波 (WS)	新田高校		
6	金高 生幸 (WS)	愛知工業大学名電高校		
7	周藤 美月 (WS)	新田高校		
8	吉岡 美海 (WS)	新田高校		
9	大島 愛実 (WS)	日本大学		
10	伊藤 花乃 (WS)	早稲田大学		
11	イサチャ ユンス (WS)	星槎国際高校川口		
12T	高橋 ひなた (WS)	愛知工業大学名電高校		
12T	山崎 妃奈乃 (WS)	早稲田大学		
14	石津 真帆 (WS)	三島高校		
15	八惣 柚香 (WS)	朝日大学		
16	谷口 真麻 (WS)	立命館大学		
17	大岡 詩苑 (WS)	新田高校		
18	横田 彩未 (WS)	法政大学		
19	三宅 そな (WS)	はしまアFC		
20	松本 栖羽 (WS)	NAGOYA FENCING CLUB		
21	安原 愛菜 (WS)	沼田女子高校		
22	後藤 千里 (WS)	高松北高校		
23	数井 詩 (WS)	同志社大学		
24	勝又 康心 (WS)	沼津東高校		
25	後藤 碧衣 (WS)	大分豊府高校		
26	岡田 彩良 (WS)	加藤学園暁秀高校		
27	木村 聡花 (WS)	大分豊府中学校		
28	三谷 日向子 (WS)	日本大学		
29	笹川 莉花 (WS)	SEISA		
30	林 七星 (WS)	立命館高校		
31	江上 はな (WS)	SEISA		
32	野元 麻央 (WS)	JOCエリートアカデミー		
33	五味 恋菜 (WS)	上伊那農業高校		
34	関谷 百萌 (WS)	沼津西高校		
35	植村 紀香 (WS)	日本体育大学		
36	原田 乃瑛 (WS)	日本体育大学		
37	高橋 亜由美 (WS)	関西学院大学		
38	大井 歌乃 (WS)	立命館大学		
39	一瀬 咲季 (WS)	諫早商業高校		
40	井下 玲菜 (WS)	専修大学		
41	ミカエプスタイン (WS)	SEISA		
42	寛 葵衣 (WS)	大垣南高校		
43	亀川 満里菜 (WS)	専修大学		
44	荻野 千里 (WS)	星陵高校		
45	西山 晴葵 (WS)	宮崎ジュニアFC		
46	宮田 美生 (WS)	沼田女子高校		
47	池田 知優 (WS)	東京女子体育大学		
48T	松葉 悠華 (WS)	海星高校		
48T	市岡 愛梨 (WS)	関西学院大学		
50	相田 友紀 (WS)	日本体育大学		
51	古川 妃代 (WS)	諫早商業高校		
52	高嶋 悠衣 (WS)	加藤学園高校		
53	沖 志隠 (WS)	大垣南高校		
54T	田代 結都 (WS)	東京女子体育大学		
54T	廣瀬 唯 (WS)	大垣南高校		
56	三木 優穂 (WS)	津東高校		
57	寺平 琴望 (WS)	諫早商業高校		
58	土子 ひなた (WS)	津東高校		
59	肥川 寿々 (WS)	新田高校		
60	松原 知夏 (WS)	柳井学園高校		
61	石川 素愛 (WS)	三島高校		
62	鈴木 愛華 (WS)	柳井学園高校		
63	山本 麻衣 (WS)	安来高校		
64	原澤 悠里 (WS)	沼田女子高校		
65	宮崎 璃子 (WS)	はしまアFC		
66	松本 枝子 (WS)	津東高校		
67	馬場 結菜 (WS)	鹿児島南高校		
68	東 果鈴 (WS)	鹿児島南高校		

Place	Name	Clubs	Country	Birthdate
69	大島 有紗 (WS)	海星中学校		
70	福島 楓 (WS)	同志社女子中学校		
71	中井 智愛 (WS)	津東高校		
72T	海野 琉羽 (WS)	津東高校		
72T	宮重 明日海 (WS)	福山誠之館高校		



女子サーブル

Referee Activity Report for 女子サーブル

Tournament: 2023 牧杯ジュニアフェンシング選手権大会
Date: 2023年9月23日 - 9:30
FIE Document: FE_FIE_0017



Name	Country	FJE Rating	Member #	Pool	Table of 64	Table of 32	Table of 16	Table of 8	Semi-Finals	Finals
------	---------	------------	----------	------	-------------	-------------	-------------	------------	-------------	--------